

Số: 2377 /QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 14 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể (tỷ lệ 1/2000) cụm cảng làng Khánh
thuộc phường Hà Khánh thành phố Hạ Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai, Luật Xây dựng năm 2003 và các Nghị định hướng dẫn;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 26/2/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh "V/v ban hành Quy định về trình tự thủ tục, lập và xét duyệt hồ sơ xin địa điểm xây dựng, duyệt quy hoạch chi tiết...";

Căn cứ bản đồ cơ cấu quy hoạch Cụm cảng Làng Khánh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngày 12/7/2005;

Xét đề nghị của: Sở Xây dựng tại tờ trình số 439/SXD-QLQH ngày 10/7/2006, Xí nghiệp Vân Đồn tại tờ trình số 226/UBND ngày 12/4/2006 và hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân thành phố thoả thuận, Sở Xây dựng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Mặt bằng quy hoạch tổng thể (tỷ lệ 1/2000) Cụm cảng Làng Khánh thuộc phường Hà Khánh thành phố Hạ Long với các nội dung:

1/ Địa điểm, phạm vi ranh giới:

- Khu đất lập quy hoạch tổng thể cụm cảng Làng Khánh được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc sông Diễn Vọng

+ Phía Đông sông Diễn Vọng

+ Phía Tây giáp sông Diễn Vọng

+ Phía Nam giáp bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Hà Khánh

- Tổng diện tích khu đất nghiên cứu là 57,56 ha giới hạn các điểm theo hệ toạ độ nhà nước: A',B',C',D',E',E,G,H,I,J,A trong đó:

+ Diện tích mặt đất giới hạn bởi các điểm A,B,C,D,E,G,H,I với tổng diện tích 51,775 ha với toạ độ các điểm:

- + Điểm A : X 2326143.40 Y 515417.94
- + Điểm B : X 2326370.56 Y 515415.20
- + Điểm C : X 2326754.96 Y 515881.58
- + Điểm D : X 2326754.96 Y 516138.83
- + Điểm E : X 2326543.61 Y 516897.26
- + Điểm F : X 2326373.76 Y 516850.93
- + Điểm G : X 2326357.75 Y 516876.09
- + Điểm H : X 2326345.25 Y 515828.94
- + Điểm I : X 2326143.40 Y 515711.39
- + Điểm J : X 2326143.40 Y 515417.94

+ Diện tích mặt nước giới hạn bởi các điểm A,B,C,D,E,E',D',C',B',A' với diện tích 5,8049 ha với toạ độ các điểm:

- + Điểm A: X 2326143.40 Y 515417.94
- + Điểm B : X 2326370.56 Y 515415.20
- + Điểm C : X 2326754.96 Y 515881.58
- + Điểm D : X 2326754.96 Y 516138.83
- + Điểm E : X 2326543.61 Y 516897.26
- + Điểm E' : X 2326583.69 Y 516908.41
- + Điểm D' : X 2326796.65 Y 516146.28
- + Điểm C' : X 2326796.65 Y 515867.66
- + Điểm B' : X 2326390.11 Y 515373.50
- + Điểm A' : X 2326143.40 Y 515376.35

2/ Phân khu quản lý cụm cảng: gồm 7 khu

a) Khu I: Cảng công ty than Hòn Gai với tổng diện tích 63.324,24m² giới hạn bởi các điểm 1,2,G,E,E' có toạ độ:

- + Điểm 1 : X 2326654.24 Y 516655.17
- + Điểm 2 : X 2326354.19 Y 516571.36
- + Điểm E' : X 2326583.69 Y 516908.41
- + Điểm E : X 2326543.61 Y 516897.26
- + Điểm G : X 2326357.75 Y 516876.09

b) Khu II: Cảng xí nghiệp Vân Đồn với tổng diện tích 83.569,73 m² giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4 có toạ độ:

- + Điểm 1: X 2326654.24 Y 516655.17
- + Điểm 2: X 2326354.19 Y 516571.36
- + Điểm 3: X 2326350.89 Y 516297.49
- + Điểm 4: X 2326725.01 Y 516401.99

c) Khu III: Cảng của Công ty than Hà tu với tổng diện tích 96.511,36 m² giới hạn bởi các điểm 3,4,5,D có toạ độ:

- + Điểm 3: X 2326350.89 Y 516297.49
- + Điểm 4: X 2326725.01 Y 516401.99
- + Điểm 5: X 2326348.01 Y 516146.28
- + Điểm D: X 2326754.96 Y 516138.83

d) Khu IV: Cảng dự kiến cấp Công ty xuất nhập khẩu dịch vụ Quảng Ninh với tổng diện tích 63.968,73 m² giới hạn bởi các điểm 5,6,C,'D' có toạ độ:

+ Điểm 5 : X 2326348.01 Y 516146.28

+ Điểm 6 : X 2326347.47 Y 516013.25

+ Điểm C': X 2326796.65 Y 515867.66

+ Điểm D': X 2326796.65 Y 516146.28

e) Khu V: Cảng dự kiến cấp Công ty hàng hải Quảng Hưng với tổng diện tích 72.156,61 m² giới hạn bởi các điểm C',6,7,8 có toạ độ:

+ Điểm C': X 2326796.65 Y 515867.66

+ Điểm 6 : X 2326347.47 Y 516013.25

+ Điểm 7 : X 2326345.46 Y 515866.53

+ Điểm 8 : X 2326622.95 Y 515656.52

g) Khu VI: Tổng diện tích 54.718,41 m² giới hạn bởi các điểm 7,8,9,I,H có toạ độ:

+ Điểm 7 : X 2326345.46 Y 515866.53

+ Điểm 8 : X 2326622.95 Y 515656.52

+ Điểm 9 : X 2326455.05 Y 515452.53

+ Điểm I : X 2326143.40 Y 515711.39

+ Điểm H : X 2326345.25 Y 515828.94

I) Khu VII: Tổng diện tích 51.868,93 m² giới hạn bởi các điểm A,A',9,I,J có toạ độ:

+ Điểm A: X 2326143.40 Y 515417.94

+ Điểm A': X 2326143.40 Y 515376.35

+ Điểm 9 : X 2326455.05 Y 515452.53

+ Điểm I : X 2326143.40 Y 515711.39

+ Điểm J : X 2326143.40 Y 515417.94

3/ Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

DANH MỤC SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M ²)
1	Cảng cấp cho công ty than Hòn Gai (đã cấp địa điểm)	I	63320.24
2	Cảng cấp cho xí nghiệp Vân Đồn (đã cấp địa điểm)	II	83569.73
3	Cảng cấp cho công ty than Hà Tu (đã cấp địa điểm)	III	96511.36
4	Cảng dự kiến cấp cho CT CP XNKDV QN (đã có chủ trương)	IV	63958.73

5	Cảng dự kiến cấp cho Công ty Hàng hải Quảng Hưng (đã có chủ trương)	V	72156.61
6	Cảng dự kiến	VI	54718.41
7	Cảng dự kiến	VII	51868.93
8	Bãi đỗ xe		29960
9	Mặt nước		58049
10	Đất khác		1487
	Tổng cộng		57.5600

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ
1	Bãi chế biến than	BC	15.039	26.12
2	Cây xanh cảnh quan	CX	0.210	0.365
3	Đất cơ quan	CQ	1.064	1.850
4	Đất cây xanh cách ly		13.077	22.71
5	Đất thảm cỏ cây xanh	TC	2.70	4.70
6	Đất thảm cỏ cây xanh (bỏ bến bốc xếp)	B	9.436	16.40
7	Bãi đỗ xe	BX	2.996	5.21
8	Đất khác	ĐK	0.43	0.75
9	Mặt nước cảng	KN	5.8049	10.08
10	Đất giao thông	GT	6.8028	11.82
	Tổng cộng		57.560	100

4.1/ San nền :

Toàn bộ khu vực xây dựng của dự án nằm trên vùng đất trũng ven sông luôn bị ngập nước, phương án san nền là san toàn bộ khu vực được san đắp đảm bảo không bị ngập lụt về mùa mưa và không bị ngập khi nước thủy triều lên. Cốt san nền không chế tại đỉnh kè bên sông là 3,40m hướng dốc thoát nước theo chiều ra bờ sông. Cốt cao nhất san nền là : 3,50 m (theo cốt lục địa).

4.2/ Kè :

4.2/ Kè :

Hệ thống kè chắn được bố trí bám sát bờ sông kết cấu kè dùng phương pháp kè trọng lực.

3.3/ Giao thông :

+ Tuyến đường chính (tuyến 1) vào khu vực cụm cảng đầu nối ra đường 337 có mặt cắt là (5m + 7m + 5m = 17,0m)

+ Tuyến đường giao thông nội bộ (tuyến 2) trong cụm cảng mặt cắt (5 + 9 + 5 = 19,0 m). Bố trí bổ sung thêm (tuyến 2') song song và có quy mô như tuyến 2

4.4/ Thoát nước:

+ Tổ chức tuyến công thoát nước chính thu nước từ các khu vực nằm trong khu vực dự án dốc theo cốt san nền thải về hồ lắng đọng làm trong nước mới thải ra sông

3.7/ Quy hoạch thoát nước bản-vệ sinh môi trường:

+ Nước thải sinh hoạt : được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó được chảy ra bể lắng, lọc rồi mới được đổ ra sông .

+ Nước thải công nghiệp được thu gom chảy vào đường ống thoát nước và chảy về khu hồ lắng đọng môi trường lắng lọc sau đó mới được chảy ra sông.

3.5/ Cấp điện :

Nguồn điện: Dùng lưới điện quốc gia theo lưới điện 6 - 22 KV hiện có, chủ đầu tư thỏa thuận điểm đấu nối với ngành điện

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1/ Các chủ đầu tư:

- Có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng theo quy định trình các cấp thẩm quyền phê duyệt

- Có trách nhiệm triển khai thực hiện Dự án theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đất đai; Lập và trình duyệt thiết kế cơ sở các công trình, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xin thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật chính Dự án; Tổ chức triển khai xây dựng hạ tầng và các công trình theo quy hoạch được duyệt; Chịu trách nhiệm về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác kinh doanh, bảo vệ, quản lý môi trường và các an toàn khác.

- Có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích

- Trực tiếp thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án

2/ Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long

- Trực tiếp quản lý, giám sát việc triển khai Dự án theo quy hoạch được duyệt; Phối hợp với Chủ đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án;

3/ Sở Xây dựng thẩm định quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế cơ sở, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, cấp phép xây dựng các công trình (nếu có) theo quy định hiện hành;

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông - Vận tải, Công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long; Giám đốc cảnh vụ nội địa khu vực I; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *001*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c).
- CT, P1, P3 UBND tỉnh.
- V0, V1, V3.
- Như điều 3.
- QH2, GPMB, CN, TH1.
- Lưu: QH1, VT, 28N-QĐ63

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Nguyễn Quang Hưng